TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19/2020/QĐST-HNGĐ	*TP. Thái Bình, ngày 21 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1979;
- Anh Phạm Văn V, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: thôn V, xã V, thành phố T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn V có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K (nay là thành phố T), tỉnh T vào ngày 12/12/2000. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong làm ăn kinh tế và sinh hoạt hàng ngày nên thường xảy ra va chạm, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Anh chị và gia đình hai bên đã ngồi lại bàn bạc để dàn xếp mâu thuẫn

nhưng không có kết quả. Tuy anh chị ở cùng một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn V có hai con chung là Phạm Thị N, sinh ngày 09/3/1998 và Phạm Thanh T, sinh ngày 14/8/2013. Hiện con N đã trưởng thành (trên 18 tuổi), không bị mất năng lực hành vi dân sự, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ly hôn anh chị thỏa thuận: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con T. Anh V có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng), kể từ tháng 01 năm 2020 đến khi con T đủ 18 tuổi.

[3] Về chia tài sản: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn V thống nhất trình bày: Anh chị đã thỏa thuận tự phân chia tài sản chung, anh chị không có nợ chung và không cho ai vay nợ tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và toàn bộ thỏa thuận của chị Trần Thị H và anh Phạm Văn V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị H và anh V có hai con chung là Phạm Thị N, sinh ngày 09/3/1998 (đã trưởng thành, tự lập về kinh tế) và Phạm Thanh T, sinh ngày 14/8/2013.

Chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thanh T. Anh Phạm Văn V có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con T cùng chị H là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng), kể từ tháng 01 năm 2020 đến khi con T đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H, anh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về chia tài sản: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn V không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn V mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

(*Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H, anh V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0009689 ngày 08/01/2020 sang thi hành lệ phí*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V, huyện K (nay là thành phố T), tỉnh T; GCNKH số 65, quyển số 02 ngày 12/12/2000);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Hồng Sơn